BỘ Y TẾ **VIỆN VỆ SINH DỊCH TỄ TRUNG ƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**
Số: 667/VSDTTƯ–KHQT V/v: Mời chào giá sinh phẩm, hoá chất, vật tư tiêu hao phục vụ triển khai Đề tài NCKH	*Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2023.*

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Phục vụ công tác mua sắm sinh phẩm, hóa chất, vật tư năm 2023 phục vụ triển khai Đề tài nghiên cứu khoa học

Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương có nhu cầu mua sinh phẩm, hoá chất, vật tư năm 2023 phục vụ các hoạt động chuyên môn của Đề tài nghiên cứu khoa học theo chi tiết tại phụ lục 1 đính kèm.

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Viện kính mời các đơn vị quan tâm và có khả năng cung cấp gửi báo giá theo mẫu báo giá tại phụ lục 2.

Hồ sơ xin gửi qua đường văn thư về Viện theo thông tin sau:

Đơn vị nhận báo giá: Phòng Kế hoạch- Hợp tác quốc tế, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, số 1 Yecxanh, Hai Bà Trưng, Hà Nội, SĐT: 024.39716353

Hồ sơ báo giá bản mềm xin gửi về địa chỉ email: dauthau1@nihe.org.vn

Thời gian nhận báo giá trước 17h00 ngày 27/4/2023.

Hình thức báo giá: văn bản giấy và file điện tử.

Yêu cầu hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:

1. Thư chào giá theo mẫu báo giá tại phụ lục 2 đính kèm.
2. Catalog, tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết của hàng hoá (nếu có).
3. Hiệu lực báo giá: Tối thiểu 3 tháng kể từ ngày phát hành.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận: - Như trên; - Website nihe.org.vn; - Viện trưởng (để báo cáo) - Lưu HCVT, KHQT.	**KT. VIỆN TRƯỞNG** **PHÓ VIỆN TRƯỞNG** VIỆN VỆ SINH DỊCH TỄ TRUNG ƯƠNG **Dương Thị Hồng**

PHỤ LỤC 1. DANH MỤC HÀNG HOÁ

(Kèm theo công văn số 667/VSDTTƯ-KHQT ngày 27 tháng 4 năm 2023)

Stt	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói	Số lượng
1.	Oligonucleotide	1. Mục đích: Trình tự nucleotide ngắn do người sử dụng tự thiết kế dùng làm mồi trong phản ứng PCR 2. Thành phần: Nucleotide - Tinh sạch bằng desalt - Nồng độ đầu vào: 100 nmol - Dạng đông khô 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Ống 100 nmol	10
2.	Enzyme cho phản ứng PCR	1. Mục đích: Enzyme Taq DNA polymerase công nghệ hot-start cho PCR 2. Thành phần gồm: + Platinum II Taq HS DNA Polymerase: 40 µL + 5X Platinum II PCR Buffer: 1.25 mL + Platinum GC Enhancer: 1.25 mL 3. Điều kiện bảo quản: - 20°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 100 phản ứng	3
3.	Kit tách chiết ADN từ mẫu vi khuẩn	1. Mô tả: Kit tách chiết ADN từ khuẩn lạc 2. Thành phần: - Lượng ban đầu: 1 x 10^9 cells - Nguyên liệu ban đầu: khuẩn lạc/tế bào vi khuẩn - Năng suất 30 µg - Thể tích rửa giải 50-100 µL - Công nghệ HiBind® DNA Mini Column 3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng.	Hộp 100 phản ứng	1
4.	Kit tách chiết ADN từ mẫu phân	1. Mô tả: Kit tách chiết ADN từ mẫu phân 2. Thành phần: - Lượng ban đầu: đến 200 mg - Nguyên liệu ban đầu: bệnh phẩm phân - Năng suất 100 µg - Thể tích rửa giải 50-100 µL - Công nghệ HiBind® DNA Mini Column 3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng.	Hộp 50 phản ứng	5
5.	Kit tách ADN từ các loại mẫu bệnh phẩm	1. Mục đích sử dụng: Tách chiết ADN từ nhiều nguồn mẫu khác nhau gồm: một lượng nhỏ máu, thẻ máu, nước tiểu, các mẫu mô nhỏ. 2. Thành phần: - Cột lọc: 50 cột - Ống hứng dịch/thu mẫu: 150 chiếc - Đệm ly giải Buffer AL: 12ml - Đệm rửa Buffer ATL: 14ml - Đệm rửa Buffer AW1: 19ml - Đệm rửa Buffer AW2: 14ml - Đệm Buffer AE: 2 x 15 ml - Proteinase K: 1.25ml	Hộp 50 phản ứng	4

Stt	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói	Số lượng
		3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng		
6.	Mồi xuôi 100 nmol	1. Mục đích: Trình tự nucleotide tự thiết kế dùng trong phản ứng realtime PCR 2. Mô tả - Thiết kế theo trình tự người sử dụng yêu cầu - Tinh sạch bằng HPLC - Nồng độ đầu vào: 100 nmol. 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Ống	15
7.	Mồi ngược 100 nmol	1. Mục đích: Trình tự nucleotide tự thiết kế dùng trong phản ứng realtime PCR 2. Mô tả - Thiết kế theo trình tự người sử dụng yêu cầu - Tinh sạch bằng HPLC. - Nồng độ đầu vào: 100 nmol. 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Ống	15
8.	Probe huỳnh quang 100 nmol	1. Mục đích: Trình tự nucleotide tự thiết kế gắn đầu dò huỳnh quang dùng trong phản ứng realtime PCR 2. Mô tả - Thiết kế theo trình tự người sử dụng yêu cầu - Nồng độ đầu vào: 100 nmol 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Ống	15
9.	Nucleotid dATP 100mM	1. Mục đích: Nucleotide A tự do dùng cho các ứng dụng PCR, realtime PCR 2. Mô tả: - Tổng hợp hóa học - pH 7,5 - Tinh sạch > 99% bằng HPLC, nồng độ 100mM. - Ổn định trong 2 năm ở –20 ° C - Không chứa qPCR, PCR, chất ức chế phiên mã ngược - Không có DNases và RNases - Không chứa DNA của người và E. coli 3. Điều kiện bảo quản: –20 ° C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Ống 250 uL	5

Stt	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói	Số lượng
10.	Nucleotid dGTP 100mM	1. Mục đích: Nucleotide G tự do dùng cho các ứng dụng PCR, realtime PCR 2. Mô tả - Tổng hợp hóa học - pH 7,5 - Tinh sạch > 99% bằng HPLC, nồng độ 100mM. - Ổn định trong 2 năm ở –20 ° C - Không chứa qPCR, PCR, chất ức chế phiên mã ngược - Không có DNases và RNases - Không chứa DNA của người và E. coli 3. Điều kiện bảo quản: –20 ° C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Ống 250 uL	5
11.	Nucleotid dCTP 100mM	1. Mục đích: Nucleotide C tự do dùng cho các ứng dụng PCR, realtime PCR 2. Mô tả: - Tổng hợp hóa học - pH 7,5 - Tinh sạch > 99% bằng HPLC, nồng độ 100mM. - Ổn định trong 2 năm ở –20 ° C - Không chứa qPCR, PCR, chất ức chế phiên mã ngược - Không có DNases và RNases - Không chứa DNA của người và E. coli 3. Điều kiện bảo quản: –20 ° C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Ống 250 uL	5
12.	Nucleotid dTTP 100mM	1. Mục đích: Nucleotide T tự do dùng cho các ứng dụng PCR, realtime PCR 2. Mô tả - Tổng hợp hóa học - pH 7,5 - Tinh sạch > 99% bằng HPLC, nồng độ 100mM. - Ổn định trong 2 năm ở –20 ° C - Không chứa qPCR, PCR, chất ức chế phiên mã ngược - Không có DNases và RNases - Không chứa DNA của người và E. coli 3. Điều kiện bảo quản: –20 ° C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Ống 250 uL	5

Stt	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói	Số lượng
13.	Hoá chất chạy Realtime PCR định lượng	1. Mục đích: Master mix dùng cho phản ứng Realtime PCR có UDG2 2. Mô tả - Được cung cấp ở nồng độ 2X gồm có [40 mM Tris-HCl (pH 8,4), 100 mM KCl, 6 mM MgCl2, 400 µM dATP, 400 µM dCTP, 400 µM dGTP, 800 µM dUTP, 40 units / ml UDG, 60 units/ ml Platinum ™ Taq DNA Polymerase, chất ổn định. - MgCl2: kèm theo 1 lọ 50 mM. 3. Điều kiện bảo quản: -20 ° C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 500 phản ứng	3
14.	Túi chỉ thị kỵ khí	1. Mục đích: Kiểm tra và đánh giá chất lượng khí trường trong hộp ủ hoặc tủ nuôi cấy kỵ khí 2. Mô tả: Thành phần gồm giấy thấm dung dịch Resazurin 3. Điều kiện bảo quản: 2-25°C 4. Hạn sử dụng: ≥12 tháng	Hộp 100 gói	3
15.	Gói tạo môi trường kỵ khí	1. Mục đích: gói tạo môi trường kỵ khí cho bình jar 2.5L, không cần chất xúc tác và nước 2. Thành phần: Chất khử oxy và chất tạo khí CO2 3. Điều kiện bảo quản: 2-25°C 4. Hạn sử dụng: ≥12 tháng	Hộp 10 gói	8
16.	Thạch dinh dưỡng nuôi cấy vi khuẩn kỵ khí	1. Mục đích: phân lập và nuôi cấy sơ cấp vi sinh vật kỵ khí. 2. Thành phần: - Pancreatic Digest of Casein 10.0gm - Peptic Digest of Animal Tissue 10.0gm - Yeast Extract 2.0gm - Sodium Chloride 5.0gm - Dextrose 1.0gm - Sodium Bisulfite 0.1gm - Agar 15.0gm - Sheep Blood, Defibrinated - Hemin & Vitamin K 3. Điều kiện bảo quản: 2-30°C 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng	Hộp 500G	3
17.	Nước cất siêu sạch, khử ion không DNA, RNA	1. Mục đích: Nước khử ion siêu tinh sạch dùng cho sinh học phân tử 2. Thành phần: - Sản phẩm được lọc qua màng 0,1 µm và được kiểm tra hoạt động DNase và Rnase - Đảm bảo: không DNAase, không RNAasse, không Molecular Biology Grade, không Protease. 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Chai 500ml	3

Stt	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói	Số lượng
18.	Thạch điện di sản phẩm real-time PCR chịu nhiệt độ thấp	1. Mục đích: Sử dụng để phân tách các axit nucleic dựa trên kích thước trong các ứng dụng điện di trên gel agarose. 2. Thành phần: - Lý tưởng để phân tích và phục hồi DNA và RNA cho các ứng dụng thông thường - Cấu trúc gel chắc chắn cho phép xử lý tốt hơn và ít bị vỡ hơn trong điện di sản phẩm PCR kích thước nhỏ. 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Túi 100g	1
19.	Thang chuẩn 100bp	1. Mục đích: Thước chuẩn kích thước DNA 100 bp 2. Thành phần: - Load trực tiếp lên gel - Có các băng từ 100bp–2000bp 3. Điều kiện bảo quản: 2 - 8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Lọ	2
20.	Hóa chất cho phản ứng PCR công nghệ hot-start	1. Mục đích: Master mix chạy PCR công nghệ hot-start 2. Thành phần: - 4 x 1.25 mL Platinum Green Hot Start PCR 2X Master Mix - 2 x 1.25 mL Platinum GC Enhancer - 4 x 1.25 mL water, nuclease-free 3. Điều kiện bảo quản: -20°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 200 phản ứng	2
21.	Kit định lượng DNA chính xác bằng phương pháp huỳnh quang	1. Mục đích: Kit định lượng DNA chính xác bằng phương pháp huỳnh quang 2. Mô tả - Sử dụng cho các đời máy Qubit - Sử dụng cho nồng độ mẫu ban đầu từ 10 pg /µL đến 100 ng/µL - Khoảng định lượng DNA: 0.2-100 ng 3. Điều kiện bảo quản: 2–8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 500 phản ứng	5
22.	Kit chuẩn bị thư viện DNA	1. Mục đích: Bộ kít chuẩn bị thư viện sẵn sàng cho quá trình giải trình tự để nghiên cứu đối tượng có kích thước genome nhỏ (vi khuẩn, virus), đoạn DNA đích hoặc plasmid cho máy giải trình tự gen thế hệ mới 2. Mô tả - Thời gian chuẩn bị thư viện: 90 phút - Cơ chế: cắt nhỏ DNA bằng enzyme giới hạn; mẫu đồng thời vừa được cắt nhỏ và được gắn đuôi để kết hợp với trình tự adapter sau đó. - Nồng độ đầu vào: 1 ng DNA - Kích thước đoạn gen đích: 300 bp–1.5 kb - Chuẩn bị thư viện nhanh, được tối ưu hóa cho genome nhỏ, PCR amplicons và plasmids. 3. Điều kiện bảo quản: -20°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng	Hộp 96 phản ứng	3

Stt	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói	Số lượng
23.	Kit đánh dấu thư viện giải trình tự gen	1. Mục đích: Hóa chất dùng để gắn Index tương thích với quy trình chuẩn bị thư viện 2. Mô tả: - Tổ hợp index có thể kết hợp là 24; tối đa chạy được 24 mẫu/ lần giải trình tự - Tổng số mẫu thực hiện được tối đa là 96 mẫu 3. Điều kiện bảo quản: -20°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng	Hộp 96 phản ứng	3
24.	Kit chạy máy giải trình tự gen cho máy MiSeq	1. Mục đích: Thuốc thử giải trình tự MiSeq trong các cartridge sẵn sàng sử dụng 2. Mô tả - Công suất đầu ra tối đa: 3.8 Gb - Số đoạn đọc tối đa một lần chạy: Lên đến 25 triệu - Loại axit nucleic: DNA, RNA 3. Điều kiện bảo quản: -20°C và - 4°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng	Hộp 150 cycles	6
25.	Dung dịch tinh sạch sản phẩm trước khi giải trình tự gen	1. Mô tả Dung dịch tinh sạch sản phẩm DNA trước khi giải trình tự gen 2. Mô tả Thành phần: AMPure XP, 60 mL - Khả năng phục hồi cao của bộ khuếch đại (> 100 bp) đảm bảo dữ liệu quan trọng không bị mất. - Được ứng dụng cho nhiều quy trình khác nhau: PCR, NGS, cloning, microarray. - Tương thích với xử lý thủ công và tự động, thời gian xử lí thủ công ngắn (<30 phút). 3. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 4. Điều kiện bảo quản: 2°C đến 8°C	Lọ 60ml	1
26.	Tween 20	1. Mô tả: Hóa chất Tween 20 dùng cho sinh học phân tử 2. Thành phần: Tween 20 3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Chai 500ml	1
27.	Dung dịch NaOH 10M	1. Mô tả: Hóa chất NaOH dùng cho sinh học phân tử 2. Thành phần: NaOH nồng độ 10M 3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Chai 100ml	1
28.	Dung dịch NaCl 5M	1. Mô tả: Hóa chất NaCl tinh sạch dùng cho sinh học phân tử 2. Thành phần: NaOH nồng độ 5M 3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Chai 1L	1

Stt	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói	Số lượng
29.	Dung dịch đệm TBE 10X	1. Mô tả: Hóa chất TBE dùng cho phòng thí nghiệm sinh học 2. Thành phần: Nồng độ 10X, không chứa DNase and RNase 3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Chai 1L	1
30.	Dung dịch đệm ly giải DNA	1. Mô tả: Dung dịch đệm dùng để ly giải DNA 2. Thành phần: 10 mM Tris-HCl pH 8.5 3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Chai 1L	1
31.	Ống rửa máy MiSeq	1. Mô tả: Ống chứa hóa chất rửa dùng cho máy Miseq 2. Thành phần: Polypropylene 3. Hạn sử dụng: Không áp dụng	Gói 20 cái	20
32.	Ống Qubit	1. Mô tả: Ống 0.5 ml thành mỏng Qubit Dùng để xác định chính xác nồng độ DNA bằng máy đo huỳnh quang Qubit 2. Bảo quản: nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: Không áp dụng	Túi 500 cái	8
33.	Môi trường lưu giữ chủng Skim milk	1. Mô tả: Môi trường lưu giữ chủng Skim milk trong điều kiện nhiệt độ -80°C 2. Thành phần: Sữa bột gầy 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Hộp 500G	1
34.	Chất xúc tác khử oxy dùng trong tủ nuôi cấy vi sinh vật kỵ khí	1. Mục đích: chất xúc tác khử oxy dùng trong hệ thống nuôi cấy vi sinh vật kỵ khí 2. Thành phần: paladium catalyst 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥12 tháng	Gói 900G	2
35.	Bình khí hỗn hợp kỵ khí	1. Mục đích: bình khí tạo khí trường cho hệ thống nuôi cấy vi sinh vật kỵ khí 2. Thành phần: Hỗn hợp khí tinh khiết N2-CO2-H2 theo tỷ lệ 8.5-1-0.5 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Bình 40L	3
36.	Khí Ni tơ	1. Mục đích: bình khí rửa buồng trung gian cho hệ thống nuôi cấy vi sinh vật kỵ khí 2. Thành phần: khí nitơ tinh khiết 99.999% 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 24 tháng	Bình 40L	4
37.	Đĩa petri tiệt trùng kẻ sọc 55mm	1.Mô tả: Đĩa petri tiệt trùng kẻ sọc, kích thước 55mm 2. Bảo quản: nhiệt độ thường 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 900 cái	2

Stt	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói	Số lượng
38.	Đầu côn không lọc 1000 ul	1.Mô tả: đầu côn dùng để hút mẫu/ hóa chất Vật liệu: polypropylene, thể tích 1000ul. Tương thích với nhiều loại pipet, không có màng lọc - Không chứa Dnase/RNase và pyrogen, 2. Bảo quản: nhiệt độ thường 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Túi 1000 cái	5
39.	Đầu côn không lọc 200 ul	1.Mô tả: đầu côn dùng để hút mẫu/ hóa chất Vật liệu: polypropylene, thể tích 200ul. Tương thích với nhiều loại pipet, không có màng lọc - Không chứa Dnase/RNase và pyrogen, 2. Bảo quản: nhiệt độ thường 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Túi 1000 cái	5
40.	Đầu côn không lọc 10 ul	1.Mô tả: đầu côn dùng để hút mẫu/ hóa chất Vật liệu: polypropylene, thể tích 10ul. Tương thích với nhiều loại pipet, không có màng lọc - Không chứa Dnase/RNase và pyrogen, 2. Bảo quản: nhiệt độ thường 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Túi 1000 cái	5
41.	Ống PCR 0,2 ml có nắp	1. Mô tả: Ống PCR đơn, thể tích 0.2ml thành mỏng, nắp trong, không RNAse 2. Bảo quản: nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Túi 1000 cái	5
42.	Dải 8 ống PCR 0.2 mL nắp rời	1. Mô tả: - Dải tuýp PCR thể tích 0.2 ml, nắp rời, phẳng dùng để đựng mẫu chuẩn bị cho quá trình PCR - Dạng 8 ống/dãy (8 tuýp/1 thanh) - Chất liệu nhựa Polypropylene 2. Bảo quản: nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Hộp 120 dải	6
43.	Dải 8 ống PCR 0.2 mL nắp liền	1. Mô tả: - Dải tuýp PCR thể tích 0.2 ml, nắp liền, phẳng dùng để đựng mẫu chuẩn bị cho quá trình PCR - Dạng 8 ống/dãy (8 tuýp/1 thanh) - Chất liệu nhựa Polypropylene 2. Bảo quản: nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Hộp 120 dải	11
44.	Ống lưu mẫu 2 ml	1. Mô tả: ống nhựa lưu giữ mẫu ở điều kiện -80°C, thể tích 2 m, làm bằng nhựa Polypropylene vô trùng, không chứa DNase/RNase, 2. Bảo quản: nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Túi 50 cái	6

Stt	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói	Số lượng
45.	Đầu côn có lọc 20 ul	1. Mô tả: - Đầu côn dùng để hút mẫu/ hóa chất, vật liệu: polypropylene, dạng dài tiệt trùng thể tích hút tối đa 20ul. - Màng lọc kỵ nước, trơ, có khả năng ngăn cản nhiễm dịch vào đầu pipet. - Tương thích với nhiều loại pipet - Không chứa Dnase/Rnase, Human DNA, pyrogenic, PCR inhibitors 2. Bảo quản: nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Hộp 96 cái	25
46.	Đầu côn có lọc 100 ul	1. Mô tả: - Đầu côn dùng để hút mẫu/ hóa chất, vật liệu: polypropylene, dạng dài tiệt trùng thể tích hút tối đa 100ul. - Màng lọc kỵ nước, trơ, có khả năng ngăn cản nhiễm dịch vào đầu pipet. - Tương thích với nhiều loại pipet - Không chứa Dnase/Rnase, Human DNA, pyrogenic, PCR inhibitors 2. Bảo quản: nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Hộp 96 cái	12
47.	Đầu côn có lọc 200 ul	1. Mô tả: - Đầu côn dùng để hút mẫu/ hóa chất, vật liệu: polypropylene, dạng dài tiệt trùng thể tích hút tối đa 200ul. - Màng lọc kỵ nước, trơ, có khả năng ngăn cản nhiễm dịch vào đầu pipet. - Tương thích với nhiều loại pipet - Không chứa Dnase/Rnase, Human DNA, pyrogenic, PCR inhibitors 2. Bảo quản: nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Hộp 96 cái	7
48.	Đầu côn có lọc 1000 ul	1. Mô tả: - Đầu côn dùng để hút mẫu/ hóa chất, vật liệu: polypropylene, dạng dài tiệt trùng thể tích hút tối đa 1000ul. - Màng lọc kỵ nước, trơ, có khả năng ngăn cản nhiễm dịch vào đầu pipet. - Tương thích với nhiều loại pipet - Không chứa Dnase/Rnase, Human DNA, pyrogenic, PCR inhibitors 2. Bảo quản: nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Hộp 96 cái	7
49.	Giấy thấm	1. Mô tả: Giấy thấm không bụi KimWipes dùng trong sinh học phân tử 2. Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Hộp 200 tờ	7

Stt	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói	Số lượng
50.	Giấy lau phòng thí nghiệm	1. Mô tả: Giấy thấm dai dùng để vệ sinh khu vực thí nghiệm 2. Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng	1
51.	Đĩa 96 giếng	1. Mô tả: Đĩa 96 giếng đáy chữ V, thể tích 0,5ml2. 2. Bảo quản: nhiệt độ thường 3. Hạn sử dụng: ≥12 tháng	Thùng 50 cái	2
52.	Đĩa 96 giếng chạy ELISA	1. Mô tả: Đĩa Elisa Nunc MaxiSorp® 96 giếng đáy chữ V 2. Bảo quản: nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥12 tháng	Cái	50
53.	Que cấy nhựa 10uL	1. Mô tả: Que cấy nhựa vòng cấy lấy được 10ul, màu xanh, vô trùng 2. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥12 tháng	Thùng 1000 cái	4
54.	Que cấy nhựa 1ul	1. Mô tả: Que cấy nhựa loop 1ul, màu trắng, vô trùng 2. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥12 tháng	Thùng 1000 cái	4
55.	Giấy parafin cuộn	1. Mô tả: Giấy parafin cuộn 2. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥12 tháng	Cuộn	3
56.	Ống falcon 50 ml	1. Mô tả: Ống nhựa vô trùng 50mL - Chịu được lực ly tâm tối đa: 14,000 xg - Có vạch chia thể tích - Đã tiệt trùng - Không chứa nội độc tố, không chứa Rnase và DNase - Vật liệu: PP/ HDPE 2. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: Không áp dụng	Túi	12
57.	Lọ đựng bệnh phẩm 50 ml	1. Mô tả: Ống nhựa vô trùng 50mL, đã tiệt trùng. Không chứa nội độc tố- Vật liệu: PP/ HDPE 2. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: Không áp dụng	Cái	300
58.	Ống 5ml nắp xoáy	1. Mô tả: Ống nhựa 5ml, nắp xoáy - Chịu được lực ly tâm tối đa: 1,400 xg, chịu được nhiệt độ -80^{0}C - Có vạch chia thể tích - Đã tiệt trùng - Không chứa nội độc tố, không chứa Rnase và DNase - Vật liệu: PP/ HDPE 2. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Túi 500 cái	4

Stt	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói	Số lượng
59.	Ống eppendof 1,5ml	1. Mô tả: - Ống ly tâm 1.5 ml bằng nhựa Polypropylene, đáy nhọn - Chịu lực ly tâm tối đa: 25,000 x G - Không chứa RNase/DNase và pyrogen 2. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 5000 cái	4
60.	Ống eppendorf 1,7 ml	1. Mô tả: Ống eppendorf nắp vặn 1,7 ml - Chịu được lực ly tâm tối đa: 14,000 x G - Cap Style: Snap cap - Không chứa RNase/DNase và pyrogen 2. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Túi 1000 cái	5
61.	Găng tay có bột	1. Mô tả: Găng tay cao su latex, có bột, size S/M 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 10 hộp, hộp 50 đôi	3
62.	Găng tay không bột	1. Mô tả: Găng tay cao su latex, không bột, size S/M 3. Bảo quản nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 10 hộp, hộp 50 đôi	6
63.	Transfer pipette 3,5 ml	1. Mô tả: Pipette nhựa thể tích 3,5 ml - Kích thước (LxW): 155 x 15 mm, - Vật liệu: LD-PE - Tiệt trùng từng cái 2. Bảo quản: nhiệt độ phòng. 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 840 cái	2
64.	Đĩa petri 60mm	1. Mô tả: Đĩa petri phi 60mm, cao 15mm Diện tích tăng trưởng: 21.50cm2 2. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥12 tháng	Thùng 500 cái	5
65.	Màng lọc	1. Mô tả: Bộ lọc ống tiêm màng cellulose acetate/sợi thủy tinh, 5.3cm2, 0.2µm, màu xanh, 2. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 50 cái	5

PHỤ LỤC 2. MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số 667 /VSDTTƯ-KHQT ngày 17 tháng 4 năm 2023)

TÊN CÔNG TY
Số:……

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc.

BÁO GIÁ KẾ HOẠCH

Kính gửi: Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương

Công ty. <…> có địa chỉ tại <….>. Chúng tôi xin gửi tới Quý Viện bản cháo giá các mặt hàng như sau:

Stt	Tên hàng hoá	Tính năng kỹ thuật	Số đăng ký (nếu có)	Hãng, nước sản xuất	Hãng, nước chủ sở hữu	Mã hiệu sản phẩm (Code)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền đã có VAT (VND)	Giá kê khai	Mã kê khai
1		1. Mục đích 2. Thành phần/Mô tả: 3. Điều kiện bảo quản 4. Hạn sử dụng:										
…												
	Tổng tiền											

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY
(Ký tên, đóng dấu)

Đơn giá phù hợp với đơn vị tính và quy cách đóng gói.Giá báo trên đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển, giao hàng theo nội dung tại phụ lục 01 và toàn bộ các chi phí, lệ phí liên quan để cung cấp hàng hoá.
Các điều khoản: Hàng hoá mới 100%, Thời gian giao hàng……, phương thức thanh toán…
Hiệu lực của báo giá: tối thiểu 3 tháng kể từ ngày phát hành.